

Số: 148/QĐ-CQLTT

Cần Thơ, ngày 03 tháng 10 năm 2022

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2021 của  
Cục Quản lý thị trường thành phố Cần Thơ

### CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 3701/QĐ-BCT ngày 11 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý thị trường thành phố Cần Thơ trực thuộc Tổng cục Quản lý thị trường;

Căn cứ Quyết định số 1609/QĐ-BCT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc giao Phụ trách Cục Quản lý thị trường thành phố Cần Thơ;

Căn cứ Thông báo số 107/TB-TCQLTT ngày 22 tháng 8 năm 2022 của Tổng cục Quản lý thị trường xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2021 của Cục Quản lý thị trường thành phố Cần Thơ (theo biểu đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.



**Điều 3.** Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính, Trưởng phòng Nghiệp vụ - Tổng hợp, Trưởng phòng Thanh tra – Pháp chế, Đội trưởng các Đội Quản lý thị trường, Kế toán Cục, Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.-th

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Tổng cục QLTT (để b/c);
- Treo bảng Thông báo;
- Đăng Công thông tin điện tử;
- Lưu: VT, TCHC.

**KT. CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



**Nguyễn Ngọc Hiền**





Đơn vị: Cục Quản lý thị trường thành phố Cần Thơ  
Chương: 016

**QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021**

(Kèm theo Quyết định số 148/QĐ-CQLTT ngày 03 tháng 10 năm 2022 của

Cục trưởng Cục Quản lý thị trường thành phố Cần Thơ)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Số xét duyệt/ thẩm định	Ghi chú
<b>A</b>	<b>NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC</b>		
<b>I</b>	<b>NGUỒN NGÂN SÁCH TRONG NƯỚC</b>		
<b>1</b>	<b>Số dư kinh phí năm trước chuyển sang</b>	<b>14.492.761</b>	
1.1	Kinh phí thường xuyên/tự chủ	14.492.761	
1.2	Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ		
<b>2</b>	<b>Dự toán được giao trong năm</b>	<b>11.246.000.000</b>	
2.1	Kinh phí thường xuyên/tự chủ	8.596.000.000	
2.2	Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ, trong đó:	2.650.000.000	
	- Chi khác theo đặc thù ngành, Lương Lao động Hợp đồng	975.000.000	
	- Mua sắm tài sản cố định		
	- Kinh phí xử phạt vi phạm hành chính		
	- Kinh phí Hỗ trợ chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả	1.393.700.000	
	- Ban chỉ đạo 389 ngành		
	- Kinh phí Thuê trụ sở làm việc, kho hàng	281.300.000	
<b>3</b>	<b>Tổng số được sử dụng trong năm</b>	<b>11.260.492.761</b>	
3.1	Kinh phí thường xuyên/tự chủ	8.610.492.761	
3.2	Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ, trong đó:	2.650.000.000	
	- Chi khác theo đặc thù ngành, Lương Lao động Hợp đồng	975.000.000	
	- Kinh phí xử phạt vi phạm hành chính	1.333.100.000	
	- Kinh phí Hỗ trợ chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả	60.600.000	
	- Kinh phí Thuê trụ sở làm việc, kho hàng	281.300.000	
<b>4</b>	<b>Kinh phí đề nghị quyết toán</b>	<b>11.228.868.577</b>	
4.1	Kinh phí thường xuyên/tự chủ, trong đó:	8.596.000.000	



STT	Nội dung	Số xét duyệt/ thẩm định	Ghi chú
	- Chi lương và các khoản phụ cấp theo lương cho công chức	5.311.252.053	
	- Chi Quản lý hành chính	1.032.940.661	
	- Kinh phí tiết kiệm trong năm	2.251.807.286	
4.2	Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ, trong đó:	2.632.868.577	
	- Chi khác theo đặc thù ngành, Lương Lao động Hợp đồng	970.222.175	
	- Kinh phí xử phạt vi phạm hành chính	1.320.746.402	
	- Kinh phí Hỗ trợ chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả	60.600.000	
	- Kinh phí Thuê trụ sở làm việc, kho hàng	281.300.000	
<b>5</b>	<b>Kinh phí đề nghị hủy trong năm</b>	<b>17.131.423</b>	
	Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ, trong đó:	17.131.423	
	- Chi khác theo đặc thù ngành, Lương Lao động Hợp đồng	4.777.825	
	- Kinh phí xử phạt vi phạm hành chính	12.353.598	
<b>6</b>	<b>Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán</b>	<b>14.492.761</b>	
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	14.492.761	

